TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 07 - 2022
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông : Nguyễn Việt Thắng
Ông : Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2022 về việc "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Hồng D, sinh năm 1980
Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt)
- *Bị đơn:* Lê Trung T, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/04/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, không đăng ký kết hôn (theo xác nhận của của UBND xã Khánh Bình Tây 31.5.2022).

Quá trình chung sống có 1 con chung tên Lê Trần Quốc A, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2013, hiện nay cháu A sống cùng chị D.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau, không phù hợp về tính tình, vợ chồng sống ly thân khoản 2 năm không có thiện chí hàng gắn trở lại.

Nay xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh T, về con chung cháu A có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu câu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Trung T: Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần để hòa giải và để xét xử nhưng bị đơn T không có mặt, nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn và nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không rỏ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị D xác định chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của UBND xã Khánh Bình Tây ngày 31/5/2022,

Xét thấy chị D và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011 và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị D và anh T không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận chị Trần Hồng D và anh Lê Trung T là vợ chồng là phù hợp;.

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Trần Quốc A, sinh ngày 01/06/2013, từ ngày chị D và anh T sống ly thân đến nay cháu A được chị D nuôi dạy và nguyện vọng cháu A được sống cùng chị D, chị D cũng xác định đủ điều kiện nuôi con chung và chị củng có nguyện vọng nuôi cháu A, nên chấp nhận giao cháu A cho chị D nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: A T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của con được sống với chị D là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn xác định tài sản chung và nợ chung, vợ chồng tự thõa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét. Tuy nhiên do bị đơn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn, nên tách phần tài sản ra, khi nào bị đơn có yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] *Xét về án phí:* Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Hồng D

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Hồng D và anh Lê Trung T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị D có trách nhiệm nuôi cháu cháu Lê Trần Quốc A, sinh ngày 01/6/2013, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. A T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của con được sống với chị D.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị D đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004906 ngày 03/06/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND xã Khánh Bình Tây;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thanh Nhung